

**Phụ lục****Danh mục thay đổi thông tin thuốc tại Quyết định số 359/QĐ-SYT phục vụ công tác chuẩn hóa danh mục cho Công ty Cổ phần Dược – Vật tư y tế Đắk Lắk***(Kèm theo Công văn số ngày tháng 6 năm 2025 của Sở Y tế Đắk Nông)*

Stt	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK tại Quyết định 359/QĐ-SYT	SDK thay đổi phục vụ chuẩn hóa danh mục
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I. Thuốc cung cấp theo Số đăng ký cũ tại Quyết định số 359/QĐ-SYT</b>								
1	GNR005 7	Aginmezin 10	Alimemazin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	893100877524 (VD-27747-17)	<b>VD-27747-17</b>
2	GNR005 9	Darinol 300	Allopurinol	300mg	Uống	Viên nén	VD-28788-18 (893110264323)	<b>VD-28788-18</b>
3	GNR009 3	Amitriptyline Hydrochloride 25mg	Amitriptylin hydroclorid	25mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-29099-18 (893110162924)	<b>VD-29099-18</b>
4	GNR019 2	Zamko 25	Baclofen	25mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-30504-18 (893110318524)	<b>VD-30504-18</b>
5	GNR020 9	Zetavian	Betamethasone + dexchlorpheniramin	0,125mg + 1mg	Uống	Thuốc cốm uống	VD-29218-18 (893110853924)	<b>VD-29218-18</b>
6	GNR041 8	Alzyltex	Cetirizin	10mg/10ml; 90ml	Uống	Siro	VD-33630-19 (893100398424)	<b>VD-33630-19</b>
7	GNR044 6	Aminazin 1,25%	Clorpromazin	1,25%, 2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	VD-30228-18 (893115701024)	<b>VD-30228-18</b>
8	GNR050 7	Dung dịch D.E.P	Diethylphtalat	5,1g/17ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	VD-33692-19 (893100927624)	<b>VD-33692-19</b>

Stt	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK tại Quyết định 359/QĐ-SYT	SDK thay đổi phục vụ chuẩn hóa danh mục
9	GNR0528	Dobucin	Dobutamin	250mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	890110022824 (VN-16920-13)	<b>VN-16920-13</b>
10	GNR0533	Agimoti	Domperidon	10mg	Uống	Viên nén	893110256323 (SDK cũ: VD-24703-16)	<b>VD-24703-16</b>
11	GNR0591	Etomidate-Lipuro	Etomidat	20mg/ 10ml	Tiêm	Nhũ tương tiêm	VN-22231-19 (400110984524)	<b>VN-22231-19</b>
12	GNR0599	Agietoxib 120	Etoricoxib	120mg	Uống	Viên nang cứng	893110200924 (SDK cũ: VD-29648-18)	<b>VD-29648-18</b>
13	GNR0679	Glimiwel-1	Glimepirid	1mg	Uống	Viên nén	890110983224 (VN-20935-18)	<b>VN-20935-18</b>
14	GNR0754	Indatab SR	Indapamid	1,5mg	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	VN-16078-12 (890110008200)	<b>VN-16078-12</b>
15	GNR0786	Vasotrate-30 OD	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	30mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	VN-12691-11 (890110008700)	<b>VN-12691-11</b>
16	GNR0883	Fabalofen 60 DT	Loxoprofen natri	60mg	Uống	Viên nén phân tán	VD-30524-18 (893100209224)	<b>VD-30524-18</b>
17	GNR0930	Meloxicam 15mg	Meloxicam	15mg	Uống	Viên nén	VD-31520-19 (893110426524)	<b>VD-31520-19</b>
18	GNR0948	Methopil	Methocarbamol	500mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-26679-17 (893110264823)	<b>VD-26679-17</b>
19	GNR1125	Sara for Children	Paracetamol (acetaminophen)	250mg/5ml; 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	VD-28619-17 (893100623624)	<b>VD-28619-17</b>

Stt	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK tại Quyết định 359/QĐ-SYT	SDK thay đổi phục vụ chuẩn hóa danh mục
20	GNR1126	Sara	Paracetamol (acetaminophen)	120mg/5ml; 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	VD-29552-18 (893100623524)	<b>VD-29552-18</b>
21	GNR1165	Maxibumol	Paracetamol + ibuprofen	250mg + 100mg	Uống	Thuốc cốm uống	VD-30599-18 (893100339124)	<b>VD-30599-18</b>
22	GNR1255	Dalyric	Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang cứng	VD-25091-16 (893110263923)	<b>VD-25091-16</b>
23	GNR1490	Agivitamin B1	Vitamin B1	250mg	Uống	Viên nén bao phim	893110467824 (SDK cũ: VD-25609-16)	<b>VD-25609-16</b>
24	GNR1525	Agi-Vitac	Vitamin C	500mg	Uống	Viên nén bao phim	893110380524 (SDK cũ: VD-24705-16)	<b>VD-24705-16</b>
<b>II. Thuốc cung cấp theo Số đăng ký mới tại Quyết định số 359/QĐ-SYT</b>								
25	GNR0010	Acetazolamid	Acetazolamid	250mg	Uống	Viên nén	VD-27844-17	<b>893110214800</b>
26	GNR0043	Aginfolix 5	Acid folic (vitamin B9)	5mg	Uống	Viên nang cứng	893100333724 (SDK cũ: VD-25119-16)	<b>893100333724</b>
27	GNR0066	Spas-Agi 60	Alverin citrat	60mg	Uống	Viên nén bao phim	893110333924 (VD-31063-18)	<b>893110333924</b>
28	GNR0077	Ambromed	Ambroxol	0,9g/150 ml	Uống	Si rô	VN-17476-13 (868100010024)	<b>868100010024</b>
29	GNR0103	Natrixam 1.5mg/5mg	Amlodipin + indapamid	5mg + 1,5mg	Uống	Viên nén giải phóng kiểm soát	300110029823 (VN3-7-17)	<b>300110029823</b>
30	GNR0132	Vigentin 250/31,25 DT.	Amoxicilin + Acid clavulanic	250mg + 31,25mg	Uống	Viên nén phân tán	VD-33609-19 (893110631224)	<b>893110631224</b>

Stt	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK tại Quyết định 359/QĐ-SYT	SDK thay đổi phục vụ chuẩn hóa danh mục
31	GNR015 1	Vigentin 500/62,5 DT.	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Uống	Viên nén phân tán	VD-33610-19 (893110631324)	<b>893110631324</b>
32	GNR018 1	Agitro 500	Azithromycin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-34102-20	<b>893110130925</b>
33	GNR021 9	Prololsavi 10	Bisoprolol	10mg	Uống	Viên nén bao phim	VD-29115-18 (893110370923)	<b>893110370923</b>
34	GNR024 3	Bupitroy Heavy	Bupivacain hydroclorid	5mg/ml; 4ml	Tiêm	dung dịch thuốc tiêm	890114083223 (VN-16919-13)	<b>890114083223</b>
35	GNR026 3	Calcolife	Calci lactat	520mg; 8ml	Uống	Dung dịch uống	VD-31442-19 (893100413224)	<b>893100413224</b>
36	GNR026 8	Sartan	Candesartan	32mg	Uống	Viên nén bao phim	893110164424 (SDK cũ: VD-29835-18)	<b>893110164424</b>
37	GNR033 4	Glencinone	Cefdinir	125mg	Uống	Viên nén phân tán	VD-29581-18 (893110719324)	<b>893110719324</b>
38	GNR043 8	Somazina 500mg	Citicolin	500mg/ 4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	VN-18764-15 (840110082123)	<b>840110082123</b>
39	GNR045 7	Goutcolcin	Colchicin	0,6mg	Uống	Viên nang cứng	893115145024 (SDK cũ: VD-28830-18)	<b>893115145024</b>
40	GNR065 5	Gabarel	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	VD-26056-17 (893110327823)	<b>893110327823</b>
41	GNR065 9	Gelofusine	Gelatin succinyl + natri clorid + natri hydroxyd	20g+ 3,505g+ 0,68g/500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	VN-20882-18 (955110002024)	<b>955110002024</b>

Stt	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK tại Quyết định 359/QĐ-SYT	SDK thay đổi phục vụ chuẩn hóa danh mục
42	GNR067 3	Golddicron	Gliclazid	30mg	Uống	Viên nén giải phóng có kiểm soát	800110402523 (SDK cũ: VN-18660-15)	<b>800110402523</b>
43	GNR067 4	Gliclada 60mg modified - release tablets	Gliclazid	60mg	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	383110130824 (SDK cũ: VN-21712-19)	<b>383110130824</b>
44	GNR072 6	Huyết thanh kháng độc tổ uồn ván tinh chế (SAT)	Huyết thanh kháng uồn ván	1500UI	Tiêm	Dung dịch tiêm	QLSP-1037-17 (893410250823)	<b>893410250823</b>
45	GNR075 6	Indocollyre	Indomethacin	0,1%; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	VN-12548-11 (300100444423)	<b>300100444423</b>
46	GNR077 6	Bivitero 300	Irbesartan	300mg	Uống	Viên nén	VD-25074-16 (893110189324)	<b>893110189324</b>
47	GNR085 0	Lidocain	Lidocain (hydroclorid)	10%; 38g	Dùng ngoài	Thuốc phun mù	599110011924 (SDK cũ: VN-20499-17)	<b>599110011924</b>
48	GNR087 7	Agilosart-H 50/12,5	Losartan + hydroclorothiazid	50mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	893110255823 (SDK cũ: VD-29653-18)	<b>893110255823</b>
49	GNR097 8	Agimycob	Metronidazol + neomycin + nystatin	500 mg + 65.000IU + 100.000IU	Đặt âm đạo	Viên nén đặt phụ khoa	893115144224 (SDK cũ: VD-29657-18)	<b>893115144224</b>
50	GNR104 5	Samaca	Natri hyaluronat	1mg/1ml; 6ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	VD-30745-18 (893100326724)	<b>893100326724</b>
51	GNR122 3	Lifecita 800 DT.	Piracetam	800mg	Uống	Viên nén phân tán	VD-33595-19 (893110631624)	<b>893110631624</b>

Stt	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK tại Quyết định 359/QĐ-SYT	SDK thay đổi phục vụ chuẩn hóa danh mục
52	GNR123 5	Povidone	Povidon iodin	10%/ 20ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	893100041923 (SDK cũ: VD-17882-12)	<b>893100041923</b>
53	GNR123 8	Povidone	Povidon iodin	10%, 30ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	893100041923 (SDK cũ: VD-17882-12)	<b>893100041923</b>
54	GNR130 7	Rupafin	Rupatadine	10mg	Uống	Viên nén	VN-19193-15 (840110076423)	<b>840110076423</b>
55	GNR136 4	Rovagi 0,75	Spiramycin	750.000 UI	Uống	Thuốc cốm	893110310924 (SDK cũ: VD-22798-15)	<b>893110310924</b>
<b>Tổng cộng: 55 khoản</b>								